

Ngày	68,500 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.4%	36.7%	41.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	38,994 - 68,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,219
Số lượng CPLH (CP)	32,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	29,225
Sở hữu nước ngoài	6.7%
Beta	0.16
EPS	5,857
P/E	11.7

DT thuần

Q1/24

730

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.00 | 0.5%

YoY: ▲ 52.0 | 7.6%

LN trước thuế

Q1/24

55.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 8.70 | -13.6%

YoY: ▼ 0.40 | -0.6%

LN sau thuế

Q1/24

44.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.80 | -3.8%

YoY: ▼ 0.30 | -0.6%

ROA

2023

15.0%

+/- YoY: ▼ 2.8%

DT thuần

2023

2,801

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 14.0 | -0.5%

LN trước thuế

2023

246

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 17.0 | -6.4%

LN sau thuế

2023

190

tỷ VNĐ

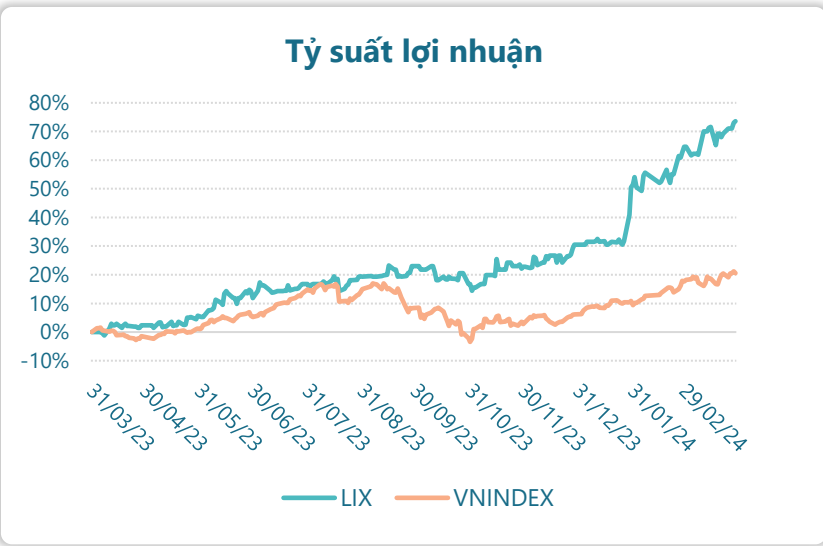
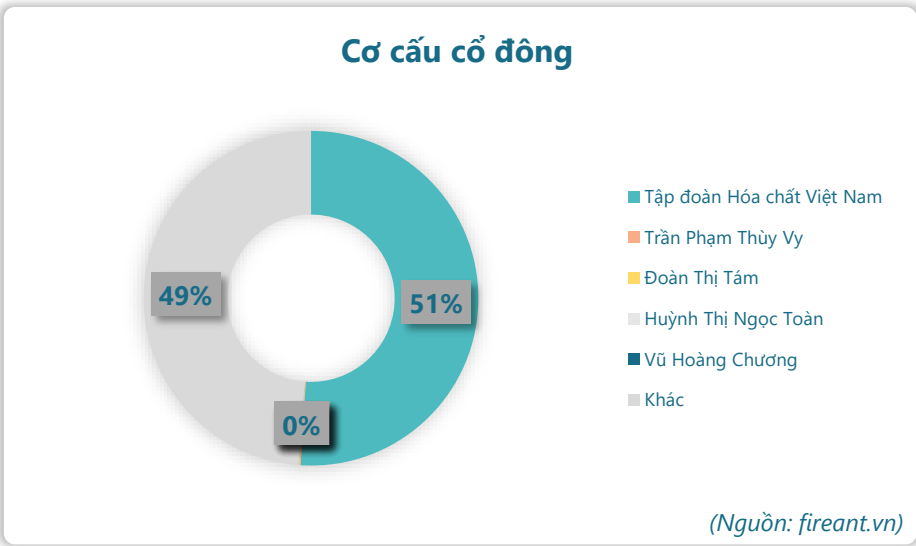
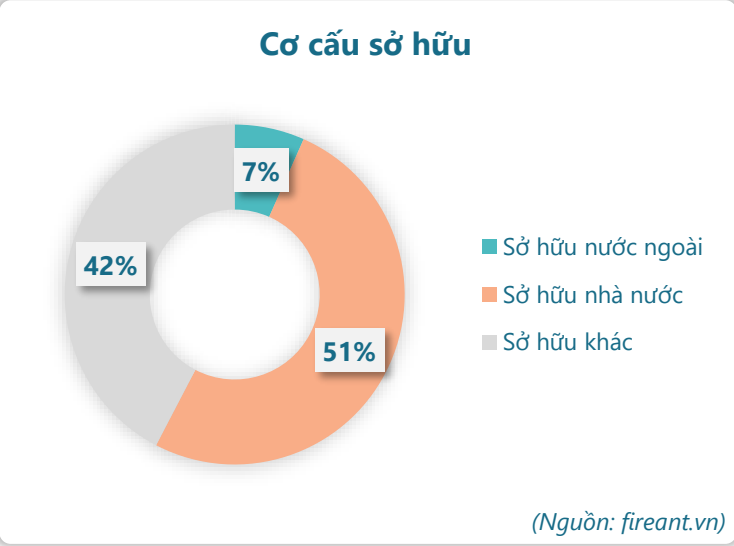
YoY: ▼ 23.0 | -10.9%

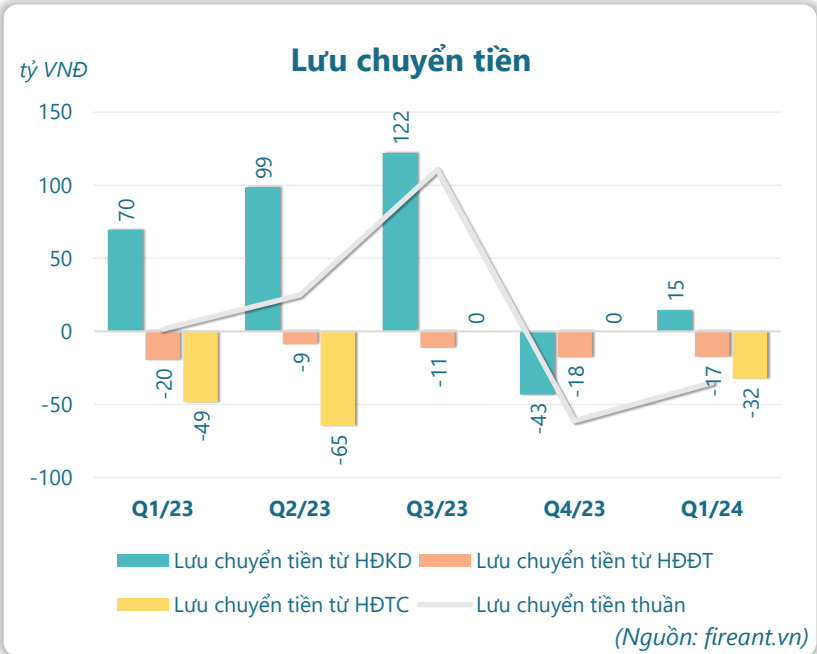
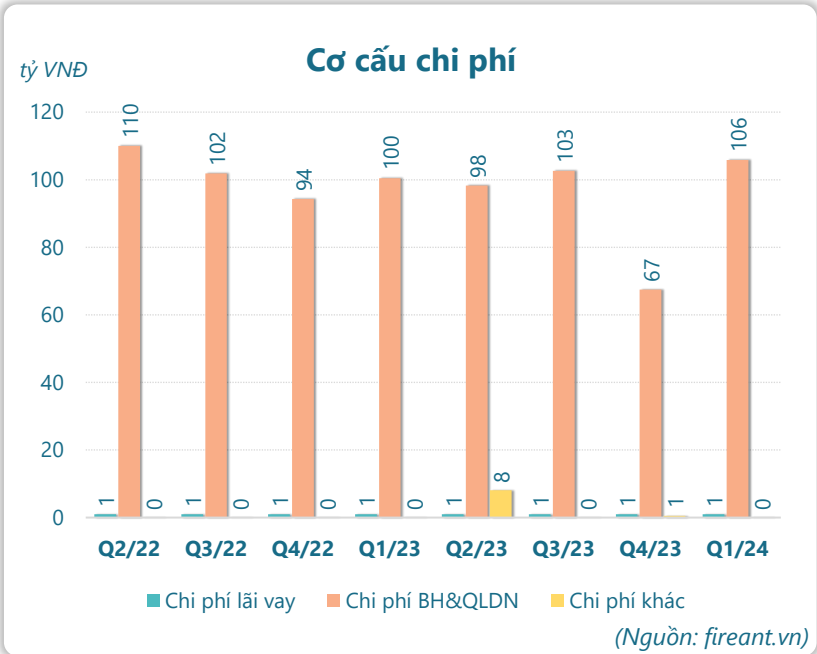
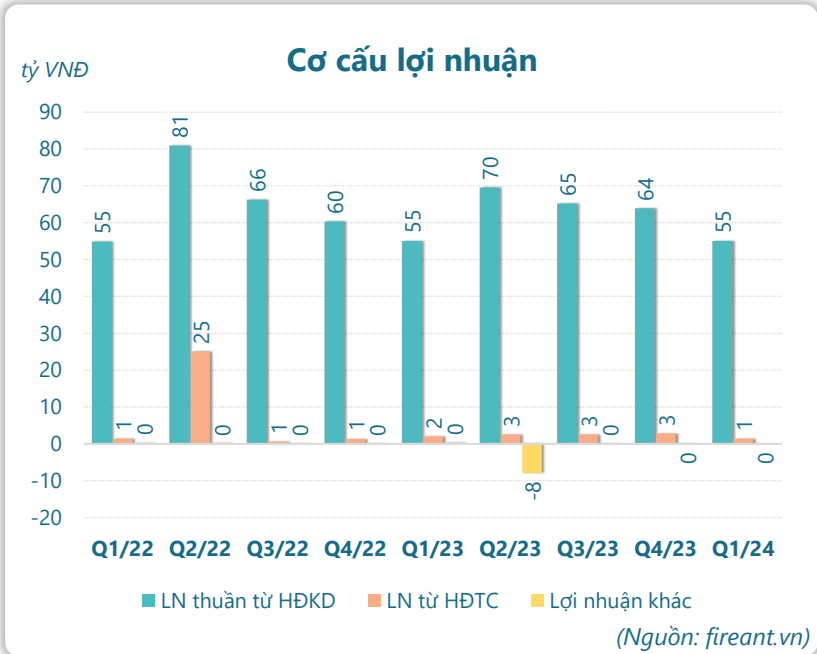
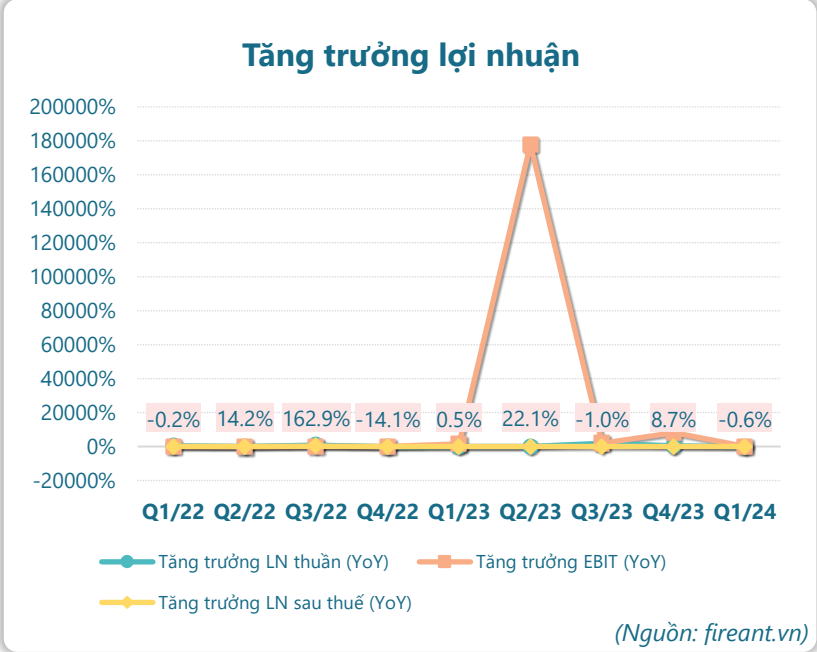
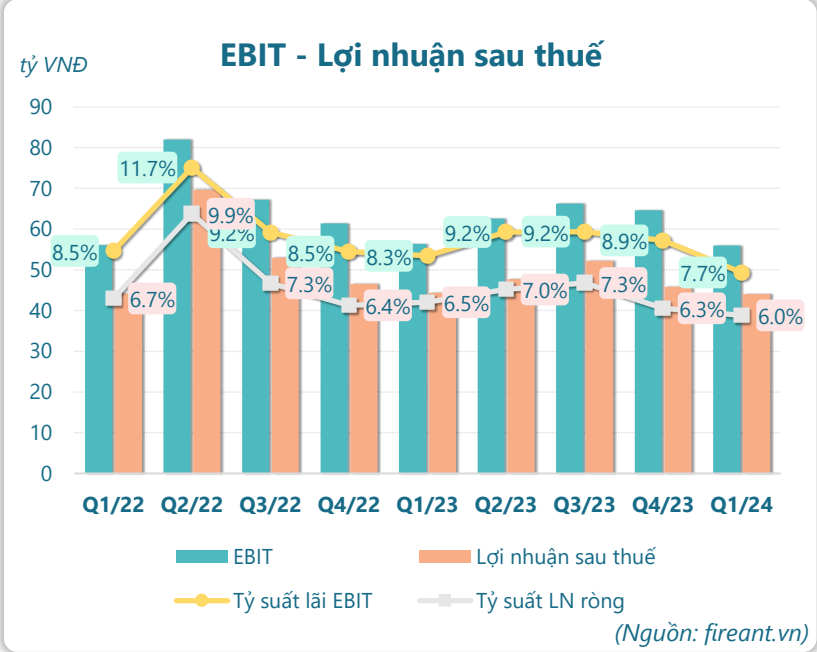
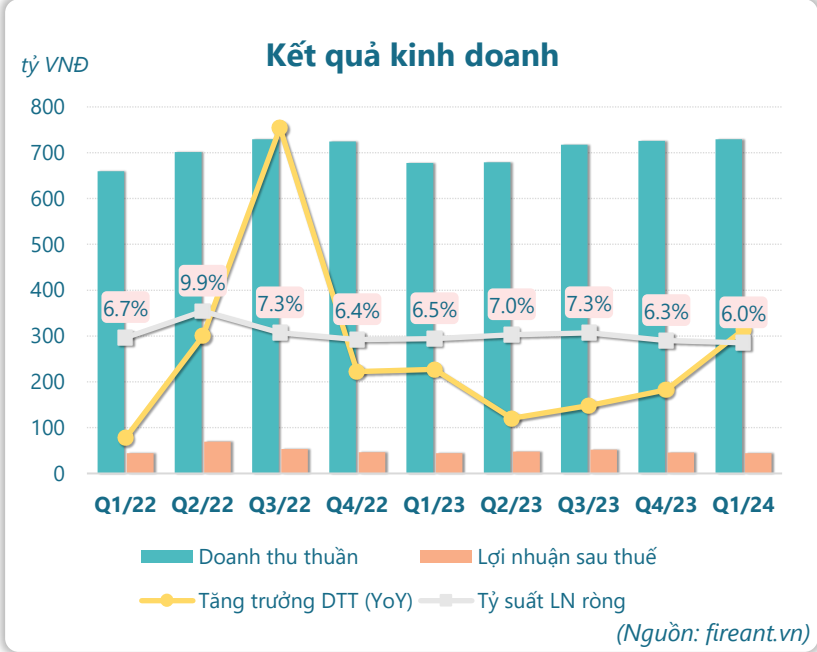
ROE

2023

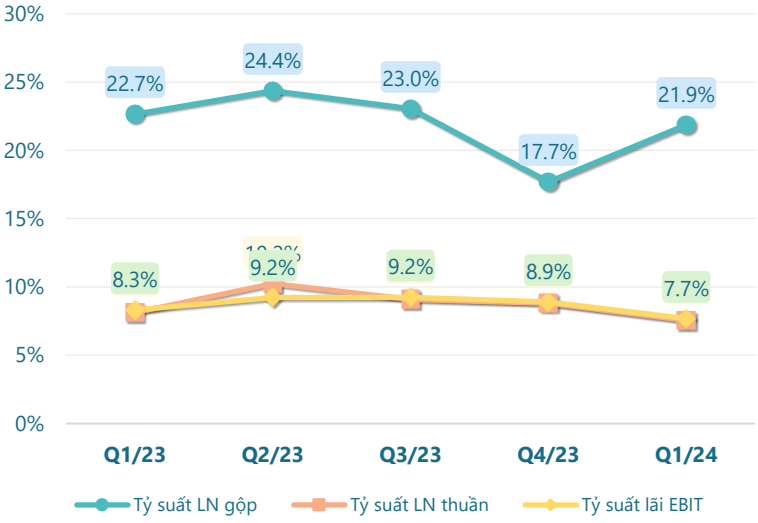
22.0%

+/- YoY: ▼ 4.7%



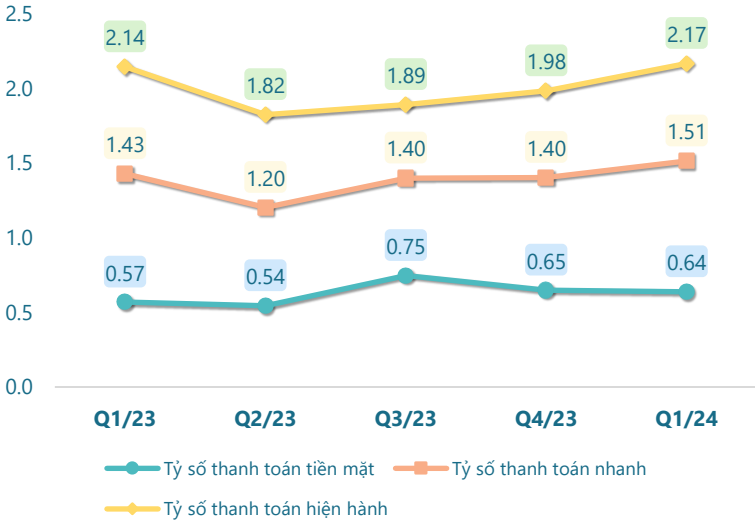


Tỷ suất lợi nhuận



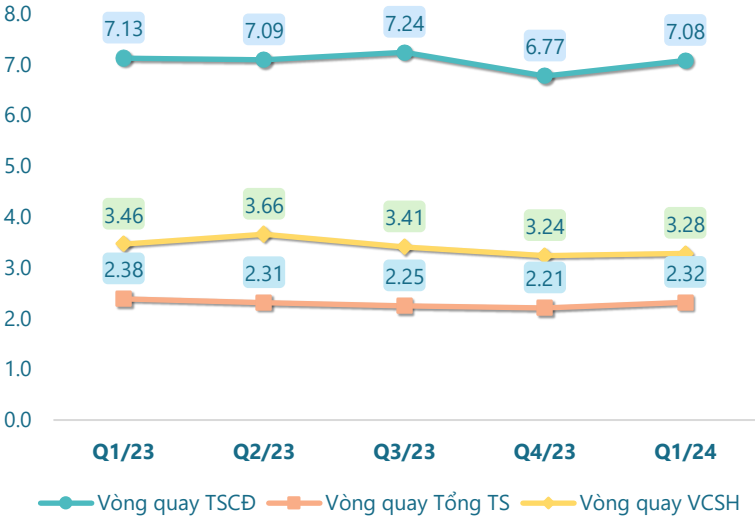
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



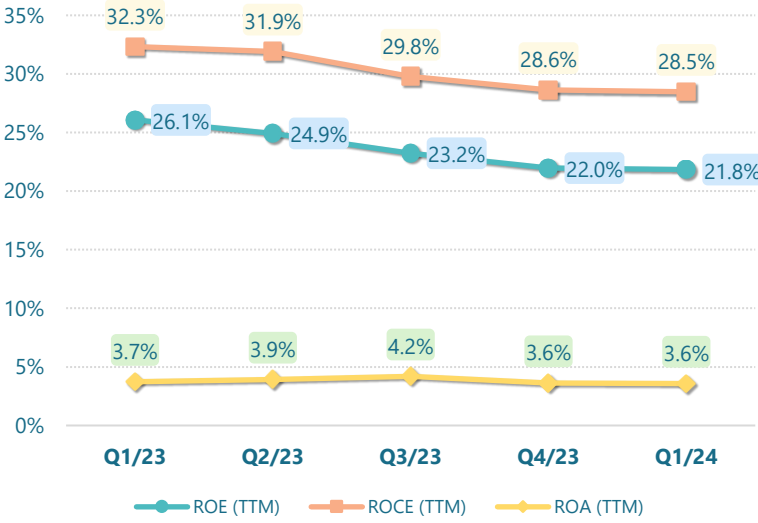
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



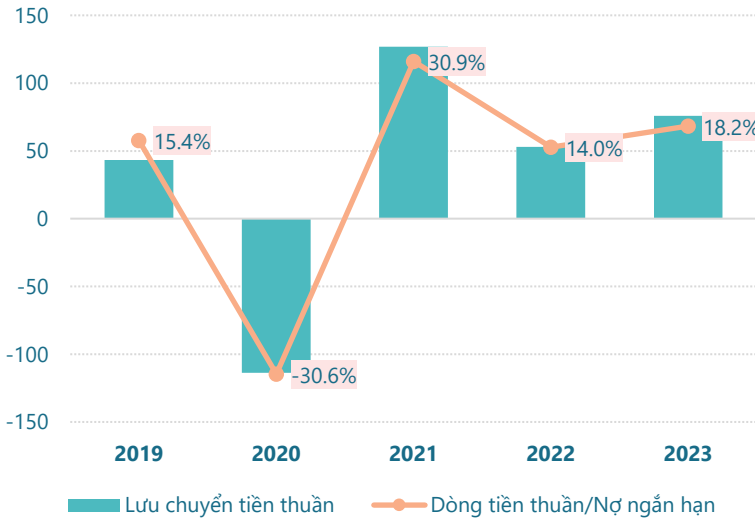
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



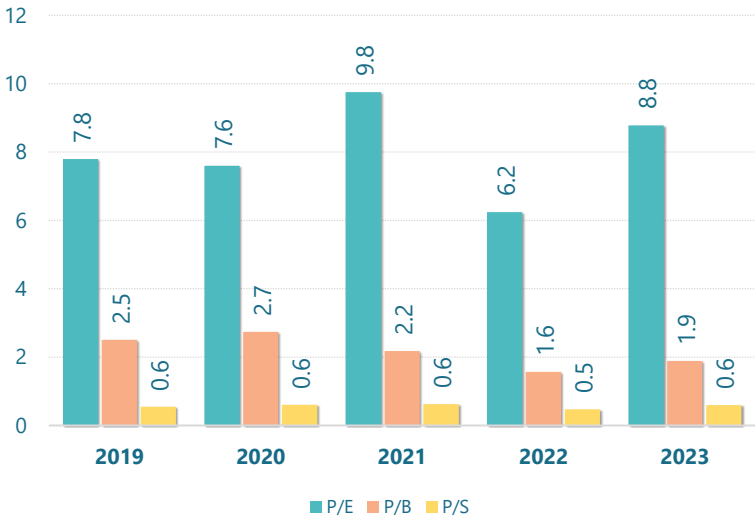
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)